

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Tô Thị D** - sinh năm: 1975; *Có mặt*

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu T** - sinh năm: 1975; *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: K15/6 đường N, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn - bà Tô Thị Dung trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu T tổ chức hôn lễ truyền thống và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, ban đầu, vợ chồng chung sống tại phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, vợ chồng chuyển về chung sống tại K15/6 đường N thuộc tổ 48 phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình

không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Nay bà D xác định không còn yêu thương ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Bà Tô Thị D xác định bà và ông Nguyễn Hữu T có ba con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H – sinh ngày 10/10/2007; Nguyễn Hữu B – sinh ngày 17/5/2009 và Nguyễn Ngọc Bảo T1 – sinh ngày 04/7/2015. Ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Tô Thị D xác định bà và ông Nguyễn Hữu T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Tô Thị D xác định bà và ông Nguyễn Hữu T không nợ nần ai và không ai nợ nần ông bà.

****Về phía bị đơn – ông Nguyễn Hữu T:*** Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Hữu T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:***

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao ba con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, Nguyễn Hữu B và Nguyễn Ngọc Bảo T1 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận nên không đề cập đến; về nợ chung nguyên đơn xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn bà Tô Thị D khởi kiện về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi dưỡng con chung” đối với bị đơn là ông Nguyễn Hữu T có địa chỉ cư trú tại K15/6 đường N, tổ 48 phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị D và ông Nguyễn Hữu T đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “...Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Theo đó, việc sống chung với nhau vừa là quyền, cũng là nghĩa vụ của giữa vợ chồng. Tuy nhiên, theo xác minh tại địa phương thể hiện mặc dù cả hai ông bà đều có hộ khẩu thường trú tại Tổ 48 phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, hiện ông T chỉ đưa đón con hàng ngày về tại địa chỉ trên và ở một lúc rồi đi, không sinh sống tại đây từ đầu năm 2020, ông bà không còn sống chung với nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng ông Nguyễn Hữu T đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Do đó, nguyện vọng xin được ly hôn của bà Tô Thị D là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Tô Thị D xác định bà và ông Nguyễn Hữu T có ba con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H – sinh ngày 10/10/2007; Nguyễn Hữu B – sinh ngày 17/5/2009 và Nguyễn Ngọc Bảo T1 – sinh ngày 04/7/2015. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Hiện cả ba con chung đang sống chung với bà D, được bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt tại các phiên hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến gì của ông T về nguyện vọng giải quyết con chung. Do đó, HĐXX xét thấy việc giao cả ba con chung cho

bà D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cũng như nguyện vọng của cháu.

Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Bà Tô Thị D xác định bà và ông Nguyễn Hữu T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[4] Về nợ chung: Bà Tô Thị D xác định bà và ông Nguyễn Hữu T không có nợ chung nên không xem xét đến.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc xem xét cho bà D được ly hôn với ông T, về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung phù hợp như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Tô Thị D ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

2. Về quan hệ con chung:

Giao cháu 03 con chung: Nguyễn Ngọc Bảo H – sinh ngày 10/10/2007; Nguyễn Hữu B – sinh ngày 17/5/2009 và Nguyễn Ngọc Bảo T1 – sinh ngày 04/7/2015 cho bà Tô Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung; vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Tô Thị D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001896

ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà D đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Tô Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
 - VKSND quận Thanh Khê;
 - Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
 - UBND phường G
- (Giấy CNKH số: 08; quyền số: 1/2007);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Hậu